

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

MST:

0	3	0	1	1	2	3	1	2	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT VĂN PHÒNG CÔNG TY
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Tháng 01/2021



MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 7
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	8 - 32

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT - VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN BỘ PHẬN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.166.842.429.530	1.660.683.431.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	73.400.043.002	159.791.861.859
1. Tiền	111		73.400.043.002	159.791.861.859
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		432.000.000.000	668.644.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	28.644.000.000	28.644.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2d	(28.644.000.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	432.000.000.000	640.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		421.488.666.616	361.182.878.935
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	78.314.706.568	106.681.331.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	39.879.167.438	19.390.366.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		182.876.993.440	208.415.032.312
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	192.799.270.143	95.644.844.154
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5c	(72.381.470.973)	(68.948.695.672)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		140.501.938.186	378.479.420.112
1. Hàng tồn kho	141	V.6	140.501.938.186	378.479.420.112
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		99.451.781.726	92.585.270.728
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.847.682.735	8.262.977.324
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		82.928.069.017	83.564.694.185
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	13.676.029.974	757.599.219
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT - VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán bộ phận giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		715.419.128.263	745.416.680.639
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		237.343.979.770	239.363.104.506
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	496.909.836.591	478.719.541.746
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5c	(259.565.856.821)	(239.356.437.240)
II. Tài sản cố định	220		111.588.388.597	131.736.583.066
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	100.613.771.712	124.650.780.419
- Nguyên giá	222	V.8	366.773.329.557	366.796.954.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	V.8	(266.159.557.845)	(242.146.174.130)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	9.443.628.226	5.202.644.175
- Nguyên giá	225	V.9	10.768.723.579	5.308.524.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	V.9	(1.325.095.353)	(105.879.825)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.530.988.659	1.883.158.472
- Nguyên giá	228	V.10	3.833.328.193	3.444.914.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	V.10	(2.302.339.534)	(1.561.756.489)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	32.243.749.055	32.243.749.055
- Nguyên giá	231	V.11	37.252.913.794	37.252.913.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	V.11	(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		66.285.348.627	57.929.301.560
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	66.285.348.627	57.929.301.560
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		258.685.515.269	272.533.067.928
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	178.277.281.987	178.277.281.987
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	107.246.251.500	110.046.251.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(26.838.018.218)	(15.790.465.559)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.272.146.945	11.610.874.524
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7.228.887.060	10.608.816.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	2.043.259.885	1.002.057.948
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.882.261.557.793	2.406.100.112.273

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT - VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán bộ phận giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		291.911.563.246	767.582.923.977
I. Nợ ngắn hạn	310		289.239.900.169	763.078.482.782
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	157.386.989.260	493.317.424.435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.687.101.705	1.950.138.417
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	14.378.856	34.933.328.248
4. Phải trả người lao động	314	V.17	57.884.588.558	63.023.459.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	45.568.148	12.432.569.067
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	3.002.754.724	4.368.721.190
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	10.779.288.995	16.428.281.098
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	2.764.411.732	56.665.687.861
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	54.674.818.191	79.958.872.990
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.671.663.077	4.504.441.195
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	257.724.000	432.724.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	2.413.939.077	4.071.717.195
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT - VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán bộ phận giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.590.349.994.547	1.638.517.188.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.590.349.994.547	1.638.517.188.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.862.620.000	3.862.620.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(341.040.000)	(341.040.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		582.661.723	582.661.723
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		251.432.652.824	299.599.846.573
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		91.907.981.573	55.810.175.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		159.524.671.251	243.789.670.671
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.882.261.557.793	2.406.100.112.273

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2021


Đỗ Thị Minh Châu
Người lập


Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng


Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT - VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BỘ PHẬN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.25	225.560.158.046	764.909.518.322	889.955.902.652	2.843.696.942.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.26	324.546	206.400	527.892.232	450.519
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		225.559.833.500	764.909.311.922	889.428.010.420	2.843.696.492.197
4. Giá vốn hàng bán	11	V.27	72.558.831.453	391.617.321.461	439.160.791.338	1.474.472.314.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153.001.002.047	373.291.990.461	450.267.219.082	1.369.224.177.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.28	72.769.934.320	29.871.872.133	219.493.003.434	179.450.038.953
7. Chi phí tài chính	22	V.29	32.992.233.269	1.694.656.677	43.671.367.199	11.926.874.730
Trong đó: chi phí lãi vay	23	V.29	168.608.447	875.308.137	1.470.191.879	3.060.910.446
8. Chi phí bán hàng	25	V.30	35.334.768.638	214.073.798.798	280.294.422.002	798.061.547.438
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.31	95.063.318.720	110.953.239.945	173.135.774.004	282.752.899.622
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.380.615.740	76.442.167.174	172.658.659.311	455.932.894.680
11. Thu nhập khác	31	V.32	899.498.179	2.662.712.171	3.175.033.819	13.916.727.745
12. Chi phí khác	32	V.33	556.843.514	4.970.425	606.944.715	187.824.022
13. Lợi nhuận khác	40		342.654.665	2.657.741.746	2.568.089.104	13.728.903.723
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.723.270.405	79.099.908.920	175.226.748.415	469.661.798.403
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	23.094.102.864	-	77.476.732.370
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(846.365.860)	(97.996.325)	(1.041.201.937)	(97.996.325)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>63.569.636.265</u>	<u>56.103.802.381</u>	<u>176.267.950.352</u>	<u>392.283.062.358</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2021

mehael

Đỗ Thị Minh Châu
Người lập

meubz

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT - VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ BỘ PHẬN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		175.226.748.415	469.661.798.403
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-11	32.941.577.786	35.213.819.278
- Các khoản dự phòng	03	V.5c	63.333.747.541	(1.134.758.633)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(25.053.016.519)	4.270.535.506
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(189.996.235.418)	(176.195.299.503)
- Chi phí lãi vay	06	V.29	1.470.191.879	3.060.910.446
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.923.013.684	334.877.005.497
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55.857.075.401)	(82.245.312.244)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		237.977.481.926	(45.885.213.072)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(375.703.694.073)	36.774.858.755
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.537.454.965	4.209.612.176
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.503.029.889)	(3.013.508.561)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(20.164.130.210)	(64.625.692.248)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.22	11.920.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(49.553.253.900)	(20.064.978.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(198.331.312.898)	160.026.771.799
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.461.920.032)	(15.648.096.220)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.366.991	5.858.847.096
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(487.000.000.000)	(303.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		695.000.000.000	260.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.032.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		193.524.797.647	168.221.429.155
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		369.103.244.606	115.432.180.031

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT - VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bộ phận giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(341.040.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		95.787.365.538	409.245.034.126
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(150.321.003.739)	(413.836.648.877)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.410.142.578)	(192.382.125)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(200.105.465.600)	(305.361.802.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(257.049.246.379)	(310.486.839.076)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(86.277.314.671)	(35.027.887.246)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		159.791.861.859	192.859.873.859
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(114.504.186)	1.959.875.246
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	73.400.043.002	159.791.861.859

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2021



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

mehau

Đỗ Thị Minh Châu
Người lập

muotr

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất – Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh”) kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là: Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước nắm; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đổi ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất; Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không, Dịch vụ cung cấp suất ăn đường sắt.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	38,03%	38,03%	38,03%
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Số 47 đường Nguyễn Huệ, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt	Leipziger Str.54, VH, EG 10G-10117 Berlin, Đức	Đại lý vé máy bay, dịch vụ du lịch, xuất nhập khẩu, thương mại	29,00%	29,00%	29,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây	24,00%	24,00%	24,00%
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	Số 415B đường Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ, thương mại	20,00%	20,00%	20,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 đường Nguyễn Trung Trực, khu khổ 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Văn phòng Đại Diện Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Khánh Hòa	Cảng hàng không Quốc Tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh dịch vụ phòng chờ	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho của Cửa hàng miễn thuế và Trung tâm thương mại được tính theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho còn lại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê đất trả trước, lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thuê mặt bằng quảng cáo, bản quyền diệt virus, ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là phương tiện vận tải, truyền dẫn là 07 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 34 - 50 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	2.874.145.545	12.257.954.902
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70.441.692.416	146.447.691.205
Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾	84.205.041	1.086.215.752
Cộng	73.400.043.002	159.791.861.859

(i) Tiền thu từ thẻ tín dụng của khách hàng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cổ phiếu	28.644.000.000	28.644.000.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á	28.644.000.000	28.644.000.000
Cộng	28.644.000.000	28.644.000.000

2b. **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.277.281.987	178.277.281.987
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất ⁽ⁱ⁾	149.376.730.000	149.376.730.000
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco ⁽ⁱⁱ⁾	10.800.262.269	10.800.262.269
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.900.289.718	14.900.289.718
Công ty cổ phần phát triển Vườn Xanh ^(iv)	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh ^(v)	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	107.246.251.500	110.046.251.500
Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	8.696.000.000	8.696.000.000
Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài	21.811.000.000	21.811.000.000
Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền	44.732.290.000	44.732.290.000
Công ty cổ phần thương mại bia Sài Gòn Trung tâm	70.000.000	70.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công	11.542.176.000	11.542.176.000
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	4.930.000.000	4.930.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.464.785.500	15.464.785.500
Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	-	2.800.000.000
Cộng	285.523.533.487	288.323.533.487

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395 thay đổi lần thứ 12 ngày 24 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 đồng, tương đương 38,03% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12 tháng 4 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 12 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đầu tư vào Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt 29% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

2d. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	28.644.000.000	-
Số cuối quý	28.644.000.000	-

2e. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.790.465.559	15.790.465.559
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng	11.047.552.659	-
Số cuối quý	26.838.018.218	15.790.465.559

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	6.661.854.848	8.249.401.124
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	4.968.436.791	4.681.819.474
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam-CTCP	1.284.952.596	2.914.357.300
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	223.048.800	398.442.450
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	8.488.746	-
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	91.415.803	11.850.000
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	37.286.412	108.814.400
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	48.225.700	134.117.500
Phải thu các khách hàng khác	71.652.851.720	98.431.930.617
Công ty TNHH Hàng Không Tre Việt	34.389.363.259	20.533.231.177
Tổng Công ty hàng không Việt Nam-CTCP - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	22.702.605.192	22.500.639.642
PRIORITY PASS (A.P) Ltd	-	19.661.500.800
Các khách hàng khác	14.560.883.269	32.494.287.878
Cộng	78.314.706.568	106.681.331.741

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	4.079.385.077	-
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	4.034.065.077	-
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh	45.320.000	-
Trả trước cho người bán khác	35.799.782.361	19.390.366.400
Công ty CP Cung Cấp Thiết Bị Và Dịch Vụ Bảo Dưỡng Hàng Không	10.665.600.000	-
Công ty Cổ phần HG Concept	7.568.616.089	-
Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại GHT Việt Nam	3.900.000.000	3.900.000.000
Công ty Cổ phần CN Đại Thủy	3.900.000.000	3.900.000.000
Các nhà cung cấp khác	9.765.566.272	11.590.366.400
Cộng	39.879.167.438	19.390.366.400

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	64.638.867.191	60.550.670.298
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	48.818.399.947	45.961.961.593
Công ty Cổ phần vận tải hàng Không Miền Nam	15.820.467.244	14.588.708.705
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	128.160.402.952	35.094.173.856
Tạm ứng	15.490.000	-
Lãi dự thu của các ngân hàng	12.079.474.519	16.294.218.903
Ký quỹ	3.597.394.040	1.260.895.240
IPP Group (S) Pte. Ltd	98.312.470.086	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.155.574.307	17.539.059.713
Cộng	192.799.270.143	95.644.844.154

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	259.565.856.821	239.356.437.240
Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	259.565.856.821	239.356.437.240
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	237.343.979.770	239.363.104.506
Ký quỹ	9.107.968.265	11.812.968.265
Ứng tiền để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bàu tại ấp 04, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	162.389.278.838	162.389.278.838
Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận - vốn góp hợp tác kinh doanh	16.978.636.950	16.978.636.950
Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) - vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng	30.040.240.000	30.040.240.000
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	13.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.827.855.717	5.141.980.453
Cộng	496.909.836.591	478.719.541.746

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5c. Dự phòng nợ phải thu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	308.305.132.912	312.697.215.788
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	23.642.194.882	(1.134.758.633)
Xóa nợ	-	(3.257.324.243)
Số cuối quý	331.947.327.794	308.305.132.912

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	818.345.864	1.400.547.301
Công cụ, dụng cụ	3.966.672.753	3.539.664.565
Hàng hóa	135.712.815.161	373.539.208.246
Hàng gửi đi bán	4.104.408	-
Cộng	140.501.938.186	378.479.420.112

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê mặt bằng	12.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	250.999.751	229.766.277
Công cụ, dụng cụ	70.947.153	2.548.646.141
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.513.735.831	5.484.564.906
Cộng	2.847.682.735	8.262.977.324

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.837.859.673	5.910.968.856
Chi phí sửa chữa lớn	3.290.679.493	4.007.792.290
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.100.347.894	690.055.430
Cộng	7.228.887.060	10.608.816.576

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	137.953.746.560	28.212.504.814	181.118.846.168	5.012.895.472	14.498.961.535	366.796.954.549
Mua trong kỳ	443.442.446	4.028.339.118	1.913.760.001	720.665.540	-	7.106.207.105
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	409.797.987	-	-	-	409.797.987
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	-	-	164.934.250	-	164.934.250
Thanh lý, nhượng bán	(409.309.895)	(3.534.480.885)	-	-	(3.113.285.983)	(7.057.076.763)
Phá dỡ tài sản hư hỏng, Hủy	(354.903.479)	-	-	-	(110.600.092)	(465.503.571)
Giảm do điều chỉnh sang CCDC	-	(181.984.000)	-	-	-	(181.984.000)
Số cuối quý	137.632.975.632	28.934.177.034	183.032.606.169	5.898.495.262	11.275.075.460	366.773.329.557

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	11.591.165.005	13.279.080.773	109.517.390.493	3.277.028.994	10.786.754.029	148.451.419.294
Chờ thanh lý	-	-	5.381.306.446	164.934.250	-	5.546.240.696

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	69.036.444.725	19.948.954.798	135.545.127.114	3.590.791.879	14.024.855.614	242.146.174.130
Khấu hao trong kỳ	15.726.050.961	1.949.074.136	12.401.598.488	697.945.867	109.649.086	30.884.318.538
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	-	-	97.460.675	-	97.460.675
Thanh lý, nhượng bán	(209.257.608)	(3.470.634.868)	-	-	(66.090.373)	(3.745.982.849)
Phá dỡ TS hư hỏng, Hủy	(109.126.666)	-	-	-	(3.113.285.983)	(3.222.412.649)
Số cuối quý	84.444.111.412	18.427.394.066	147.946.725.602	4.386.198.421	10.955.128.344	266.159.557.845
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	68.917.301.835	8.263.550.016	45.573.719.054	1.422.103.593	474.105.921	124.650.780.419
Số cuối quý	53.188.864.220	10.506.782.968	35.085.880.567	1.512.296.841	319.947.116	100.613.771.712
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	5.381.306.446	164.934.250	-	5.546.240.696

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Nguyên giá	
Số đầu năm	5.308.524.000
Thuê tài chính trong kỳ	5.460.199.579
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-
Số cuối quý	10.768.723.579
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	105.879.825
Khấu hao trong kỳ	1.219.215.528
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-
Số cuối quý	1.325.095.353
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	5.202.644.175
Số cuối quý	9.443.628.226

Thông tin tài sản thuê tài chính:

Xe chở suất ăn WGSP60 được thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê tài chính số 67.19.06/CTTC ngày 06 tháng 5 năm 2019. Thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày Bên cho thuê chuyển khoản đầu tiên cho bên cung cấp xe chở suất ăn. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng này, Công ty được mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 5.840.000 đồng.

Xe chở suất ăn FMCT05 được thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê tài chính số 67.19.01/CTTC ngày 17 tháng 01 năm 2019. Thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày Bên cho thuê chuyển khoản đầu tiên cho bên cung cấp xe chở suất ăn. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng này, Công ty được mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 4.100.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	55.555.555	3.389.359.406	3.444.914.961
Mua trong kỳ	-	388.413.232	388.413.232
Số cuối quý	55.555.555	3.777.772.638	3.833.328.193
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	55.555.555	37.145.000	92.700.555
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	55.555.555	1.506.200.934	1.561.756.489
Khấu hao trong kỳ	-	740.583.045	740.583.045
Số cuối quý	55.555.555	2.246.783.979	2.302.339.534
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	1.883.158.472	1.883.158.472
Số cuối quý	-	1.530.988.659	1.530.988.659
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn đã trích theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC	Tồn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Số đầu năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055
Số cuối năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu đất 10.316 m ² tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
Khu đất số 9.10.11 thuộc Khu đất 2.000 m ² và 1.000m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m ² tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
Khu đất 9.973 m ² tại ấp Rạch Chiếc, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m ² tại đường Nguyễn Chí Thành, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
Cộng	37.252.913.794	5.009.164.739	32.243.749.055

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang chi phí trả trước chờ phân bổ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	7.052.494.659	(7.052.494.659)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	57.929.301.560	9.787.252.507	(853.240.433)	(577.965.007)	66.285.348.627
<i>Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)</i>	27.488.145.444	4.281.817	-	-	27.492.427.261
<i>Dự án khách sạn Sasco Nha Trang</i>	13.019.952.182	(321.266.176)	-	-	12.698.686.006
<i>Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa</i>	8.545.615.079	1.071.427.560	-	-	9.617.042.639
<i>Các dự án khác</i>	8.875.588.855	9.032.809.306	(853.240.433)	(577.965.007)	16.477.192.721
Cộng	57.929.301.560	16.839.747.166	(7.905.735.092)	(577.965.007)	66.285.348.627

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	1.002.057.948	904.061.623
Số phát sinh trong kỳ	1.041.201.937	97.996.325
Số cuối quý	2.043.259.885	1.002.057.948

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	9.795.608.439	58.632.577.689
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam-CTCP	7.405.242.500	37.223.237.718
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	143.825.000	181.115.000
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	405.444.460	618.656.121
Công ty cổ phần phát triển Vườn Xanh	139.429.226	2.111.614.698
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	1.169.197.450	1.062.155.847
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	525.096.440	37.711.410
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	-	17.357.455.614
Công ty cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	1.746.363	40.631.281
Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	5.627.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	147.591.380.821	434.684.846.746
IPP Group (S) Pte..Ltd	129.574.122.682	378.711.023.627
Các nhà cung cấp khác	18.017.258.139	55.973.823.119
Cộng	157.386.989.260	493.317.424.435

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Không có số dư trả trước của các bên liên quan. Các khoản người mua trả trước chủ yếu là của các khách hàng tại đơn vị Trung tâm thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối quý	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	364.488.421	(364.488.421)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	227.596.175	(227.596.175)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	29.375.269.574	-	(12.786.220.682)	(20.164.130.210)	-	3.575.081.318
Thuế thu nhập cá nhân	-	757.599.219	6.398.057.039	(15.741.406.476)	-	10.100.948.656
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	5.544.261.749	-	23.604.168.283	(29.148.430.032)	-	-
Các loại thuế khác	13.796.925	-	70.745.349	(70.163.418)	14.378.856	-
Cộng	34.933.328.248	757.599.219	17.878.834.585	(65.716.214.732)	14.378.856	13.676.029.974

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm ngoài địa bàn Tp. Hồ Chí Minh được Văn phòng Công ty kê khai và quyết toán thuế tại Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh.

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Kinh doanh hàng miễn thuế:	Không chịu thuế
- Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ:	0%
- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác:	05% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 22.473.60 m² đất đang sử dụng tại số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01-2019/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2019 với tỷ lệ 24% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao) và Quỹ lương Ban kiểm soát. Số dư cuối kỳ là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	45.568.148	78.406.158
Chi phí cải tạo L'Azure Resort anh Spa	-	12.354.162.909
Cộng	45.568.148	12.432.569.067

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê. Không có doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan.

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	10.779.288.995	16.428.281.098
Kinh phí công đoàn	246.512.581	535.043.491
Bảo hiểm xã hội	577.105.200	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.648.040.921	1.818.139.798
Cổ tức phải trả	1.220.831.500	1.148.432.100
Phả trả về thu đổi ngoại tệ	-	2.378.197.255
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.086.798.793	10.548.468.454
Cộng	10.779.288.995	16.428.281.098

20b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn cho các tổ chức khác.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Tp. HCM	-	54.533.638.201
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số 21b)	2.764.411.732	2.132.049.660
Cộng	2.764.411.732	56.665.687.861

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM để mua xe chở suất ăn. Lãi suất áp dụng 12 tháng đầu là: 8.5%/ năm (VND), sau đó, áp dụng lãi suất tiết kiệm loại tiền VND kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh TPHCM công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm. Thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ thanh toán 3 tháng/lần.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.764.411.732	2.132.049.660
Trên 1 năm đến 3 năm	2.413.939.077	4.071.717.195
Cộng	5.178.350.809	6.203.766.855

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có khoản nợ thuê tài chính chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong kỳ</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Quỹ khen thưởng	49.867.776.227	8.222.145.987	11.920.000	(21.668.730.640)	36.433.111.574
Quỹ phúc lợi	29.282.855.283	14.988.678.170	-	(27.076.281.780)	17.195.251.673
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	808.241.480	1.046.454.944	-	(808.241.480)	1.046.454.944
Cộng	79.958.872.990	24.257.279.101	11.920.000	(49.553.253.900)	54.674.818.191

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	-	254.617.618.770	1.593.876.000.493
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	-	-	-	(341.040.000)	-	(341.040.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	392.283.062.358	392.283.062.358
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	-	-	-	(41.731.863.687)	(41.731.863.687)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(305.648.679.900)	(305.648.679.900)
Số dư cuối năm trước	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	(341.040.000)	299.599.846.573	1.638.517.188.296
Số dư đầu năm nay	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	(341.040.000)	299.599.846.573	1.638.517.188.296
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	176.267.950.352	176.267.950.352
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	-	-	-	(24.257.279.101)	(24.257.279.101)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(200.177.865.000)	(200.177.865.000)
Số dư cuối năm	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	(341.040.000)	251.432.652.824	1.590.349.994.547

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP	655.042.000.000	655.042.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	333.402.000.000	332.402.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	65.750.000.000	65.750.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	205.384.000.000	205.384.000.000
Cổ phiếu quỹ	294.000.000	294.000.000
Các cổ đông khác	74.941.100.000	74.941.100.000
Cộng	1.334.813.100.000	1.334.813.100.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	133.481.310	133.481.310
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu phổ thông	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	29.400	29.400
- Cổ phiếu phổ thông	29.400	29.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	133.451.910	133.451.910
- Cổ phiếu phổ thông	133.451.910	133.481.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối quý		Số đầu năm		Ghi chú
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Phải thu khách hàng	-	3.266.812.387	-	3.266.812.387	Không có khả năng thu hồi
Trả trước cho người bán	-	24.291.000	-	24.291.000	Không có khả năng thu hồi
Cộng		3.291.103.387		3.291.103.387	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	128.822.893.228	367.150.164.297
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại	24.869.767.120	86.040.204.250
Doanh thu hoạt động phòng chờ	31.884.685.477	131.981.276.466
Doanh thu các hoạt động khác	39.982.812.221	179.737.873.309
Cộng	225.560.158.046	764.909.518.322

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại

27. Giá vốn hàng bán

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	24.581.804.648	266.208.156.164
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại	18.106.917.043	35.232.116.759
Giá vốn phòng chờ	9.431.850.285	39.849.306.895
Giá vốn các hoạt động khác	20.438.259.477	50.327.741.643
Cộng	72.558.831.453	391.617.321.461

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.147.184.128	18.923.684.128
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.018.158.918	1.296.440.800
Lãi chuyển nhượng vốn	1.232.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	421.055.449	1.034.753.409
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá cuối kỳ	12.951.535.825	8.616.993.796
Cộng	72.769.934.320	29.871.872.133

29. Chi phí tài chính

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	168.608.447	875.308.137
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	33.610.492	818.876.675
Dự phòng giảm giá đầu tư	32.738.733.159	-
Chi phí tài chính khác	51.281.171	471.865
Cộng	32.992.233.269	1.694.656.677

30. Chi phí bán hàng

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.832.473.133	40.968.707.139
Chi phí vật liệu, bao bì	61.528.784	720.523.746
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.753.468.843	4.926.307.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.336.256.124	3.067.703.929
Chi phí tiền thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	14.080.088.824	66.400.807.787

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý thuê điều hành	(3.705.921.585)	42.558.707.253
Chi phí hợp tác kinh doanh	3.684.734.571	31.044.251.193
Các chi phí khác	6.292.139.944	24.386.789.793
Cộng	35.334.768.638	214.073.798.798

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	71.427.317.772	50.876.503.366
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	255.543.027	381.812.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.382.793.213	1.194.221.258
Thuế, phí và lệ phí	4.007.296.614	6.433.084.330
Hoàn nhập/dự phòng phải thu khó đòi	10.989.382.063	11.292.657.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.946.392.052	24.178.562.932
Các khoản chi phí khác	4.054.593.979	16.596.398.613
Cộng	95.063.318.720	110.953.239.945

32. Thu nhập khác

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	5.410.414	1.392.218
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	736.400.109	2.279.929.791
Các khoản thu nhập khác	157.687.656	381.390.162
Cộng	899.498.179	2.662.712.171

33. Chi phí khác

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	547.917.845	-
Chi phí thanh lý tài sản	-	26.998.926
Các khoản chi phí khác	8.925.669	(22.028.501)
Cộng	556.843.514	4.970.425

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.625.992.158	70.898.778.560
Chi phí nhân công	84.175.152.955	95.901.308.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.119.623.802	8.357.520.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.417.127.549	148.214.805.251
Chi phí khác	26.675.115.426	17.731.937.744
Cộng	160.013.011.890	341.104.350.620

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT – VĂN PHÒNG
CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Giải thích về tính thời vụ hoặc chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh hàng miễn thuế ; kinh doanh bán lẻ và dịch vụ tại thị trường mục tiêu sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.

Sự bùng phát và diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

2. Trình bày việc phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn:

Trong quý không phát sinh

3. Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi (áp dụng cho công ty cổ phần):

Trong quý không phát sinh

4. Trình bày những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty giữa niên độ:

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2021

mehavee

Đỗ Thị Minh Châu
Người lập biểu

muibn

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

